TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 23–2– 2018.
V/v Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến;
2. Ông Bùi Hồng Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng – Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2017/TLST–HNGĐ, ngày 25/10/2017, về việc "*Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị B
2. Bị đơn: Ông Châu Văn T

Cùng cư trú: Ấp N, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2017 và các tài liệu khác có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Ngô Thị B (bà B) trình bày: Năm 1999, bà với ông Châu Văn T (ông T) kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, bà B với ông T sống hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Ông T thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con, bà B đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi. Ông bà sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình chung sống, bà B với ông T sinh được hai người con chung tên Châu Văn H, sinh ngày 12/11/2000 và Châu Thị Thúy A,

sinh ngày 14/02/2017, hiện nay hai con đang sống chung với bà B. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay bà B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà B được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà B yêu cầu được nuôi hai con chung Châu Văn H, sinh ngày 12/11/2000 và Châu Thị Thúy A, sinh ngày 14/02/2017. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Châu Văn T (ông T) hợp lệ, nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, bà Ngô Thị B không yêu cầu hoãn phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Từ những ý kiến, yêu cầu trên, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Châu Văn T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện giải quyết ly hôn của bà Ngô Thị B đối với ông Châu Văn T:

Từ sau khi thụ lý vụ án, trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã nhiều lần tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông T nhưng ông T không trả lời thông báo thụ lý, không có mặt theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, cũng như không tham gia

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ngô Thị B trình bày: Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 1999, có làm lễ cưới và sinh được hai người con chung nhưng đến nay ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tại biên bản xác minh ngày 22/01/2018 (Bút lục số: 39) Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã xác nhận bà Ngô Thị B và ông Châu Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Ông bà có hai con chung là Châu Văn H, sinh năm 2000 và Châu Thị Thúy A, sinh năm 2017. Từ chứng cứ nêu trên có thể xác định, mặc dù giữa ông T và bà B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 và đã có hai con chung nhưng ông, bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b mục 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ chung sống giữa ông T và bà B không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó yêu cầu ly hôn của bà B được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Về con chung: Bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, bà B đã không còn chung sống với ông T hơn nữa năm nay, trong khoảng thời gian này con chung của ông, bà sống với bà B, cuộc sống của các cháu đã ổn định về mọi mặt, việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao các con chung cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và hợp lý. Đối với ý kiến của bà B về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, các con của bà B và ông T là cháu Châu Văn H sinh ngày 12/11/2000 đã sắp đến tuổi trưởng thành, hiện nay đã đi làm và đã có thu nhập tự lo cho bản thân mình, cháu Châu Thị Thúy A, sinh ngày 14/02/2017 hiện nay đang sống với bà B. Bà B có việc làm và thu nhập ổn định nên việc tự chăm sóc nuôi dưỡng cháu Châu Thị Thúy A sẽ không quá khó khăn đối với bà, không làm ảnh hưởng đáng kể đến quyền lợi của con chung của ông T và bà B. Do đó, yêu cầu được nuôi các con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà B là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà B xác định, bà và ông T không có thiếu nợ ai, tài sản chung ông bà tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn bà Ngô Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Châu Văn T không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hôm nay thì thời gian kháng cáo được tính từ ngày tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 11, Điều 92, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Ngô Thị B và ông Châu Văn T là vợ chồng.

2. Về quyền nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Ngô Thị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung của bà Ngô Thị B và ông Châu Văn T là các cháu Châu Văn H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2000 và cháu Châu Thị Thúy A, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2017. Ông Châu Văn T không phải cấp dưỡng cho các con chung. Ông Châu Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Thị Bích xác định không có thiếu nợ ai, tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008364 ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Ông Châu Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hôm nay thì thời gian kháng cáo được tính từ ngày tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã Hậu Thạnh, huyện Long Phú;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Hà